Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19/2019/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2019*

NGHỊ ĐỊNH
Về họ, hụi, biêu, phường

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định về họ, hụi, biêu, phường.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nguyên tắc tổ chức họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi tắt là họ); điều kiện làm thành viên, chủ họ; gia nhập, rút khỏi họ; văn bản thỏa thuận về họ; thứ tự lĩnh họ, lãi suất; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của thành viên, chủ họ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Những người tham gia dây họ, gồm các thành viên và chủ họ;

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức họ

1. Việc tổ chức họ phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật dân sự.

2. Việc tổ chức họ chỉ được thực hiện nhằm mục đích tương trợ lẫn nhau giữa những người tham gia quan hệ về họ.

3. Không được tổ chức họ để cho vay lãi nặng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, huy động vốn trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dây họ là một họ hình thành trên cơ sở thỏa thuận cụ thể của những người tham gia họ về thời gian, phần họ, thể thức góp họ, lĩnh họ, quyền, nghĩa vụ của chủ họ (nếu có) và các thành viên.

2. Thành viên là người tham gia dây họ, góp phần họ, được lĩnh họ và trả lãi (nếu có).

3. Chủ họ là người tổ chức, quản lý dây họ, thu các phần họ và giao các phần họ đó cho thành viên được lĩnh họ trong mỗi kỳ mở họ cho tới khi kết thúc dây họ. Chủ họ có thể đồng thời là thành viên của dây họ.

4. Phần họ là số tiền hoặc tài sản khác (sau đây gọi là tiền) được xác định theo thoả thuận mà mỗi thành viên phải góp tại mỗi kỳ mở họ.

5. Kỳ mở họ là thời điểm được xác định theo thoả thuận của những người tham gia dây họ mà tại thời điểm đó các thành viên góp phần họ và có thành viên được lĩnh họ.

6. Họ không có lãi là họ mà thành viên được lĩnh họ nhận các phần họ khi đến kỳ mở họ và không phải trả lãi cho các thành viên khác.

7. Họ có lãi là họ mà thành viên được lĩnh họ nhận các phần họ khi đến kỳ mở họ và phải trả lãi cho các thành viên khác.

8. Họ hưởng hoa hồng là họ có lãi hoặc họ không có lãi mà thành viên được lĩnh họ phải trả một khoản hoa hồng cho chủ họ theo mức do những người tham gia dây họ thỏa thuận.

Điều 5. Điều kiện làm thành viên

1. Thành viên là người từ đủ mười tám tuổi trở lên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định tại Bộ luật dân sự.

Người từ đủ mười lăm tuổi đến dưới mười tám tuổi nếu có tài sản riêng có thể là thành viên của dây họ, trường hợp sử dụng tài sản riêng là bất động sản, động sản phải đăng ký để tham gia dây họ thì phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.

2. Điều kiện khác theo thỏa thuận của những người tham gia dây họ.

Điều 6. Điều kiện làm chủ họ

1. Chủ họ là người từ đủ mười tám tuổi trở lên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định tại Bộ luật dân sự.

2. Trường hợp các thành viên tự tổ chức dây họ thì chủ họ là người được hơn một nửa tổng số thành viên bầu, trừ trường hợp các thành viên có thỏa thuận khác.

3. Điều kiện khác theo thỏa thuận của những người tham gia dây họ.

Điều 7. Hình thức thoả thuận về dây họ

1. Thoả thuận về dây họ được thể hiện bằng văn bản. Văn bản thoả thuận về dây họ được công chứng, chứng thực nếu những người tham gia dây họ yêu cầu.

2. Trường hợp thỏa thuận về dây họ được sửa đổi, bổ sung thì văn bản sửa đổi, bổ sung phải được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Nội dung văn bản thoả thuận về dây họ

1. Văn bản thỏa thuận về dây họ có những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Họ, tên, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; ngày, tháng, năm sinh; nơi cư trú của chủ họ (nơi chủ họ thường xuyên sinh sống hoặc nơi đang sinh sống nếu không xác định được nơi thường xuyên sinh sống);

b) Số lượng thành viên, họ, tên, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của từng thành viên;

c) Phần họ;

d) Thời gian diễn ra dây họ, kỳ mở họ;

đ) Thể thức góp họ, lĩnh họ.

2. Ngoài các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này, văn bản thỏa thuận về dây họ có thể có những nội dung sau đây:

a) Mức hưởng hoa hồng của chủ họ trong họ hưởng hoa hồng;

b) Lãi suất trong họ có lãi;

c) Trách nhiệm ký quỹ hoặc biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác của chủ họ;

d) Việc chuyển giao phần họ;

đ) Gia nhập, rút khỏi, chấm dứt dây họ;

e) Trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ;

g) Nội dung khác theo thỏa thuận.

Điều 9. Gia nhập dây họ

Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, một người có thể trở thành thành viên mới của dây họ khi:

1. Có sự đồng ý của chủ họ và tất cả các thành viên.

2. Góp đầy đủ các phần họ theo thỏa thuận tính đến thời điểm tham gia.

Điều 10. Rút khỏi dây họ

1. Thành viên đã lĩnh họ có thể rút khỏi dây họ nhưng phải góp các phần họ chưa góp và giao cho chủ họ hoặc thành viên giữ sổ họ trong trường hợp không có chủ họ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định này.

2. Việc rút khỏi dây họ của thành viên đã góp họ mà chưa lĩnh họ thực hiện như sau:

a) Được nhận lại các phần họ theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận, thành viên rút khỏi dây họ được nhận lại các phần họ đã góp tại thời điểm kết thúc dây họ; nếu có lý do chính đáng thì được nhận lại phần họ đã góp tại thời điểm rút khỏi dây họ.

b) Thành viên rút khỏi dây họ phải hoàn trả một phần tiền lãi đã nhận (nếu có) và thực hiện nghĩa vụ khác theo thỏa thuận; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định tại Bộ luật dân sự.

3. Trường hợp người tham gia dây họ chết thì quyền, nghĩa vụ của người đó đã được xác lập trong quan hệ về họ được giải quyết theo quy định pháp luật về thừa kế. Việc tham gia dây họ của người thừa kế được thực hiện theo thỏa thuận của người thừa kế và những người tham gia dây họ.

Điều 11. Chấm dứt dây họ

1. Dây họ chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Theo thoả thuận của những người tham gia dây họ;

b) Mục đích tham gia dây họ của các thành viên đã đạt được;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp dây họ chấm dứt, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia dây họ được thực hiện theo thỏa thuận về dây họ và quy định tại Bộ luật dân sự.

Điều 12. Sổ họ

1. Chủ họ phải lập và giữ sổ họ, trừ trường hợp có thỏa thuận về việc một thành viên lập và giữ sổ họ. Trường hợp dây họ không có chủ họ thì các thành viên thỏa thuận giao cho một thành viên lập và giữ sổ họ.

2. Sổ họ có các nội dung sau đây:

a) Các nội dung của thỏa thuận về dây họ quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định này;

b) Ngày góp phần họ, số tiền đã góp họ của từng thành viên;

c) Ngày lĩnh họ, số tiền đã lĩnh họ của thành viên lĩnh họ;

d) Chữ ký hoặc điểm chỉ của thành viên khi góp họ và lĩnh họ;

đ) Các nội dung khác liên quan đến hoạt động của dây họ.

Điều 13. Giấy biên nhận

Khi góp họ, lĩnh họ, nhận lãi, trả lãi hoặc thực hiện giao dịch khác có liên quan thì thành viên có quyền yêu cầu chủ họ hoặc người lập và giữ sổ họ cấp giấy biên nhận về việc đó.

Điều 14. Thông báo về việc tổ chức dây họ

1. Chủ họ phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú về việc tổ chức dây họ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức dây họ có giá trị các phần họ tại một kỳ mở họ từ 100 triệu đồng trở lên;

b) Tổ chức từ hai dây họ trở lên.

2. Nội dung văn bản thông báo:

a) Họ, tên, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của chủ họ;

b) Thời gian bắt đầu và kết thúc dây họ;

c) Tổng giá trị các phần họ tại kỳ mở họ;

d) Tổng số thành viên.

3. Trường hợp thông tin về dây họ đã được thông báo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà có sự thay đổi thì chủ họ phải thông báo bổ sung bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú về việc thay đổi đó.

4. Chủ họ không thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN, CHỦ HỌ

Điều 15. Quyền của thành viên

1. Thành viên trong họ không có lãi có các quyền sau đây:

a) Góp một hoặc nhiều phần họ trong một kỳ mở họ;

b) Lĩnh họ;

c) Chuyển giao một phần hoặc toàn bộ phần họ cho người khác theo quy định tại Bộ luật dân sự;

d) Yêu cầu chủ họ hoặc người giữ sổ họ cho xem, sao chụp sổ họ và cung cấp các thông tin liên quan đến dây họ;

đ) Yêu cầu chủ họ trả phần họ của thành viên không góp phần họ đúng hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

e) Yêu cầu chủ họ thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ họ quy định tại Điều 18 của Nghị định này;

g) Yêu cầu thành viên khác thực hiện nghĩa vụ của thành viên quy định tại Điều 16 của Nghị định này;

h) Các quyền của thành viên quy định tại khoản 1 Điều 7, Điều 9, Điều 10 và Điều 13 của Nghị định này;

i) Thực hiện việc thông báo theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này trong trường hợp chủ họ không thực hiện;

k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận về dây họ.

2. Thành viên trong họ có lãi có các quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đưa ra mức lãi trong mỗi kỳ mở họ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định này;

c) Được lĩnh họ trước các thành viên khác nếu đưa ra mức lãi cao nhất tại kỳ mở họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

d) Hưởng lãi từ thành viên lĩnh họ.

3. Thành viên trong họ hưởng hoa hồng có các quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này nếu thuộc trường hợp họ không có lãi hoặc các quyền quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc trường hợp họ có lãi;

b) Thỏa thuận về mức hưởng hoa hồng của chủ họ.

Điều 16. Nghĩa vụ của thành viên

1. Thành viên trong họ không có lãi có các nghĩa vụ sau đây:

a) Góp phần họ theo thoả thuận;

b) Thông báo về nơi cư trú mới trong trường hợp có thay đổi cho những người tham gia dây họ;

c) Tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác;

d) Các nghĩa vụ của thành viên trong việc thực hiện quy định tại Điều 10 và khoản 2 Điều 11 của Nghị định này;

đ) Trong trường hợp không có chủ họ thì thành viên được giao lập và giữ sổ họ có các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 12, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 của Nghị định này.

2. Thành viên trong họ có lãi có các nghĩa vụ sau đây:

a) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh họ khi được lĩnh họ.

3. Thành viên trong họ hưởng hoa hồng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này nếu thuộc trường hợp họ không có lãi hoặc các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc trường hợp họ có lãi;

b) Trả khoản hoa hồng cho chủ họ khi lĩnh họ theo thỏa thuận.

Điều 17. Quyền của chủ họ

1. Chủ họ trong họ không có lãi có các quyền sau đây:

a) Thu phần họ của các thành viên;

b) Yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó;

c) Quyền của chủ họ trong việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 7, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định này;

d) Các quyền khác theo thỏa thuận.

2. Chủ họ trong họ có lãi có các quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Lĩnh các phần họ trong kỳ mở họ đầu tiên và không phải trả lãi cho các thành viên khác trong trường hợp chủ họ đồng thời là thành viên, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Chủ họ trong họ hưởng hoa hồng có các quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này nếu thuộc trường hợp họ không có lãi hoặc các quyền quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc trường hợp họ có lãi;

b) Được hưởng hoa hồng từ thành viên lĩnh họ.

Điều 18. Nghĩa vụ của chủ họ

1. Thông báo cho các thành viên về nơi cư trú mới trong trường hợp có sự thay đổi.

2. Thông báo đầy đủ về số lượng dây họ; phần họ, kỳ mở họ; số lượng thành viên của từng dây họ mà mình đang làm chủ họ cho người muốn gia nhập dây họ.

3. Giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ.

4. Nộp thay phần họ của thành viên nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

5. Để các thành viên xem, sao chụp sổ họ và cung cấp các thông tin liên quan đến dây họ khi có yêu cầu.

6. Gửi thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này.

7. Các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 và Điều 13 của Nghị định này.

8. Các nghĩa vụ khác theo thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III
THỨ TỰ LĨNH HỌ VÀ LÃI SUẤT

Mục 1
THỨ TỰ LĨNH HỌ

Điều 19. Thứ tự lĩnh họ trong họ không có lãi

1. Thứ tự lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ được xác định theo hình thức bốc thăm, biểu quyết, bình chọn hoặc hình thức khác do những người tham gia dây họ thỏa thuận.

2. Trường hợp những người tham gia dây họ không có thỏa thuận thì thứ tự lĩnh họ được xác định bằng hình thức bốc thăm.

Điều 20. Thứ tự lĩnh họ trong họ có lãi

1. Thành viên lĩnh họ trong từng kỳ mở họ là người đưa ra mức lãi cao nhất, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

2. Trong một kỳ mở họ mà có nhiều thành viên cùng trả một mức lãi và mức lãi đó là mức lãi cao nhất thì những người này bốc thăm để xác định thành viên lĩnh họ, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

3. Thành viên đã lĩnh họ không được đưa ra mức lãi trong các kỳ mở họ tiếp theo, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp một thành viên góp nhiều phần họ trong mỗi kỳ mở họ thì thành viên này có quyền đưa ra mức lãi cho đến khi có số lần lĩnh họ tương ứng với số phần họ mà thành viên đó góp họ trong một kỳ mở họ.

Mục 2
LÃI SUẤT

Điều 21. Lãi suất trong họ có lãi

1. Lãi suất trong họ có lãi do các thành viên của dây họ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ nhưng không vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phần họ phải góp trừ đi giá trị các phần họ đã góp trên thời gian còn lại của dây họ. Trường hợp mức lãi suất

giới hạn nói trên được điều chỉnh bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì áp dụng mức lãi suất giới hạn được điều chỉnh đó.

2. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ vượt quá lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Điều 22. Lãi suất trong trường hợp chậm góp, chậm giao phần họ

1. Trường hợp đến kỳ mở họ mà chủ họ không giao hoặc giao không đầy đủ các phần họ cho thành viên được lĩnh họ, thành viên chưa lĩnh họ không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm góp hoặc chậm giao phần họ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả.

2. Trường hợp đến kỳ mở họ mà thành viên đã lĩnh họ không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì phải trả lãi như sau:

a) Trường hợp họ không có lãi, lãi suất được xác định theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp họ trên thời gian chậm góp, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50%/năm mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp trên thời gian chậm góp.

b) Trường hợp họ có lãi, lãi suất được xác định theo mức quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự đối với họ có lãi.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA CHỦ HỌ VÀ CÁC THÀNH VIÊN

Điều 23. Trách nhiệm của chủ họ do không giao hoặc giao không đầy đủ các phần họ cho thành viên được lĩnh họ

Trường hợp đến kỳ mở họ mà chủ họ không giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ thì chủ họ có trách nhiệm đối với thành viên đó như sau:

1. Thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 của Nghị định này.

2. Trả lãi đối với số tiền chậm giao cho thành viên được lĩnh họ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định này.

3. Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây họ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.

4. Bồi thường thiệt hại (nếu có).

Điều 24. Trách nhiệm của thành viên không góp phần họ

Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau:

1. Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên.

2. Trả lãi đối với số tiền chậm góp họ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

3. Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây họ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.

4. Bồi thường thiệt hại (nếu có).

Điều 25. Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp có tranh chấp về họ hoặc phát sinh từ họ thì tranh chấp đó được giải quyết bằng thương lượng, hoà giải hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Chủ họ, thành viên, cá nhân, tổ chức liên quan có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi cho vay lãi nặng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, huy động vốn trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác khi tham gia quan hệ về họ.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 4 năm 2019.

2. Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dây họ được xác lập, thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng theo quy định của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

2. Các dây họ được xác lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực và đang được thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Nghị định này thì các thành viên có thể thỏa thuận sửa đổi, bổ sung nội dung, hình thức để phù hợp với Nghị định này để áp dụng quy định của Nghị định này.

3. Các dây họ được xác lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Nghị định này thì được áp dụng các quy định tại Nghị định này.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Nghị định này;

b) Tuyên truyền, phổ biến Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Bộ Công an có trách nhiệm điều tra, xử lý theo thẩm quyền đối với hành vi thông qua việc tổ chức họ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, cho vay lãi nặng và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:

a) Tổng hợp tình hình, diễn biến quan hệ về họ ở địa phương khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Tuyên truyền, phổ biến Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, thống kê thông tin về họ theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này và kịp thời phản ánh dấu hiệu vi phạm pháp luật về họ với cơ quan công an có thẩm quyền.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2b).KN 205

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc